

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 16 tháng 04, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	TLG	15/04/2026	52.9	1.314.200	200.067	6.57
2	CDC	15/04/2026	26.3	1.629.100	417.003	3.91
3	VBB	15/04/2026	13.5	568.300	149.160	3.81
4	BVB	15/04/2026	12.9	4.905.900	1.459.857	3.36
5	VRE	15/04/2026	29.3	14.406.500	5.416.370	2.66
6	HCM	15/04/2026	26.85	33.493.000	14.492.373	2.31
7	VJC	15/04/2026	178.2	2.641.000	1.304.987	02.02
8	DCL	15/04/2026	37.15	1.221.600	685.210	1.78
9	KDH	15/04/2026	26.55	7.877.300	4.514.140	1.75
10	VIC	15/04/2026	177	6.640.600	3.816.983	1.74
11	CII	15/04/2026	19.4	32.093.600	18.542.840	1.73
12	VPL	15/04/2026	84	1.322.800	776.123	1.7
13	HSG	15/04/2026	16.2	6.408.300	3.773.480	1.7
14	NVL	15/04/2026	17.5	36.700.200	22.727.986	1.61
15	NKG	15/04/2026	14.08	7.230.800	4.762.014	1.52
16	TCM	15/04/2026	24.1	2.132.000	1.440.237	1.48
17	KOS	15/04/2026	38.75	586.500	414.607	1.41
18	EVF	15/04/2026	14	17.449.600	12.333.743	1.41
19	QCG	15/04/2026	13.8	597.300	439.563	1.36
20	VIX	15/04/2026	18.2	50.125.900	37.200.236	1.35
21	SHS	15/04/2026	18.2	24.953.100	19.603.960	1.27
22	CEO	15/04/2026	17.3	15.152.800	11.942.503	1.27
23	VHM	15/04/2026	137	6.586.300	5.369.387	1.23
24	VGC	15/04/2026	46.2	1.102.200	918.450	1.2
25	PDR	15/04/2026	16.45	13.313.900	11.137.567	1.2
26	GEX	15/04/2026	40	9.638.700	8.092.897	1.19
27	VCB	15/04/2026	59.9	8.919.600	7.715.510	1.16
28	HHV	15/04/2026	12.9	8.388.800	7.295.314	1.15
29	VSC	15/04/2026	24.3	6.993.100	6.212.674	1.13



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	CTD	15/04/2026	82.2	753.880	50	79.32	3.63
2	CTG	15/04/2026	35.05	6.893.620	51.44	34.82	0.67
3	DGW	15/04/2026	44.65	1.552.210	47.79	43.75	02.06
4	DRI	15/04/2026	13	532.990	51.74	12.54	3.7
5	GAS	15/04/2026	79.2	1.404.580	39.89	75.03	5.55
6	HAG	15/04/2026	16.7	5.174.390	59.9	16.21	03.02
7	HNG	15/04/2026	6.3	2.123.580	55.38	6.17	2.12
8	HPG	15/04/2026	28.5	38.372.192	56.93	27.03	3.76
9	HUT	15/04/2026	16.8	3.261.590	52.44	16.64	0.96
10	MBB	15/04/2026	26.6	18.288.540	52.39	25.19	5.59
11	MWG	15/04/2026	80	5.451.090	45.93	79.8	0.26
12	NRC	15/04/2026	6.3	1.265.770	70.69	06.02	4.62
13	ORS	15/04/2026	13.6	2.595.200	52	13.39	1.54
14	PAN	15/04/2026	31.3	599.630	49.89	30.62	2.22
15	POW	15/04/2026	13.5	9.998.870	48.09	12.7	2.73
16	QTP	15/04/2026	13.1	559.810	49.76	12.32	6.37
17	REE	15/04/2026	64.9	1.226.560	47.71	63.98	1.43
18	SAB	15/04/2026	46.15	582.220	56.52	45.97	0.39
19	TTA	15/04/2026	11.25	673.610	43.8	11.17	0.69
20	TVN	15/04/2026	8.6	562.950	53.67	8.22	4.57
21	VHC	15/04/2026	61	756.100	56.69	57.7	5.72
22	VPI	15/04/2026	58.8	852.120	56.7	56.08	4.84
23	VSC	15/04/2026	24.3	6.285.400	49.61	24.08	0.91



Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BAF	36.3	35.75	2.102.370
2	DVM	8.2	8	487800

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	CDC	26.3	24.9	1.087.200
2	HCM	26.85	26.5	18.433.340
3	NRC	6.3	6.1	1265770
4	NVL	17.5	17.2	30.186.450
5	TLG	52.9	52.42	243.200

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	CAR	14.4	15	30.530
2	DCL	37.15	39.9	1.180.880
3	ECO	30	30.1	41.320
4	KHP	10.45	10.5	25.090
5	LHC	94.5	97.7	38.070
6	SZE	7.5	7.7	12.160

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	CAR	14.4	13.5	30.530
2	SZE	7.5	7.4	12.160
3	VPG	3.63	3.59	432.300



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	NRC	6.3	06.02	1.265.770
2	SAB	46.15	45.97	582.220

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAV	7.9	7.63	664.280
2	NRC	6.3	5.86	1.265.770
3	VPL	84	81.86	761060

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	BVB	12.9	12.7	1.609.030
2	DRI	13	12.99	532.990
3	HDB	26.35	26.32	13182180
4	KDH	26.55	26.41	4.453.350
5	NRC	6.3	5.82	1.265.770
6	SHB	15.4	15.12	80.775.728
7	VPL	84	81.69	761.060



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	DCL	37.15	37.44	1.180.880
2	DPG	43	43.8	631.280
3	VGT	12.3	12.33	759920
4	VNM	61.3	61.3	3.777.360

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTD	82.2	82.55	753.880
2	DCM	44.45	45.77	3.776.340
3	FPT	75.1	75.51	7454480
4	HAH	54.4	54.78	662.480
5	HID	4.89	4.99	682.870
7	SBS	05.02	5.3	573550
8	SSB	16.9	16.91	1947460
9	VSC	24.3	24.32	6285400

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	CTD	82.2	82.31	753.880
2	DPG	43	43.18	631.280
3	DPM	28.35	28.38	4183930
4	HNM	8	8	553.680
5	KSB	16.55	16.79	1.504.800
6	PAC	24	24.33	689.580
7	TTA	11.25	11.34	673.610
8	TVN	8.6	8.65	562.950



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	15/04/2026	14	13.7	14.25	04.01	35,040
2	DRL	15/04/2026	45.65	45	47	4.44	6,120
3	VTZ	15/04/2026	20	19.7	20.6	4.57	991,020
4	ODE	15/04/2026	45.7	43.8	46.3	5.71	17,720
5	SBG	15/04/2026	11.7	11.25	11.9	5.78	109,740
6	MCM	15/04/2026	25.6	25	26.45	5.8	26,800
7	VSH	15/04/2026	43.2	42	44.5	5.95	6,300
8	SSB	15/04/2026	16.9	16.3	17.35	6.44	2,047,440
9	PPT	15/04/2026	15.8	15.1	16.1	6.62	210,060
10	PRE	14/04/2026	22.5	21.3	22.9	7.51	8,180
11	GDT	15/04/2026	19.2	18.75	20.2	7.73	5,440
12	CLH	15/04/2026	22.1	21	22.8	8.57	6,540
13	PGB	15/04/2026	12	11.5	12.5	8.7	52,840
14	BAF	15/04/2026	36.3	33.5	36.5	8.96	2,602,740
15	GIC	15/04/2026	10.1	9.8	10.7	9.18	7,200
16	IMP	15/04/2026	55.9	52.1	57	9.4	29,380
17	TNH	15/04/2026	10.4	9.98	10.95	9.72	146,480
18	THD	15/04/2026	31.03	29.2	32.1	9.93	5,220



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009